

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày 27-01-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1998 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Bùi Văn B1, sinh năm 1972 và con bà Lê Thị N, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến nay – Có mặt.

2. Bùi Văn B, sinh năm 1992 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Bùi Văn B1, sinh năm 1972 và con bà Lê Thị N1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến nay – Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Ngọc N, sinh năm 1969; Địa chỉ: 106/18/36 Lê Văn T, phường 11, quận C, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Công B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 01, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Văn B là anh ruột của Bùi Văn T. Do cha mẹ đã ly hôn và có gia đình riêng nên B và T sinh sống cùng nhau trong căn nhà có 3 phòng ngủ thuộc thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Do nghiện ma túy nên cuối tháng 8/2021, B đi đến khu vực ngã 3 E thuộc xã E, huyện F, tỉnh B Phước gặp và thỏa thuận mua 500.000 đồng ma túy, là Ketamin của một người đàn ông tên Đ (không xác định được nhân thân, lai lịch) để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, B đưa về nhà, lấy một phần ra để sử dụng, phần còn lại, B cất giấu trong phòng ngủ của T, mục đích để sử dụng. Đối với T, tuy không nghiện ma túy nhưng lại nảy sinh ý định mua ma túy của người khác rồi bán lại để kiếm lời. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T biết được đối tượng tên K ở khu vực cây xăng 48 thuộc xã G, huyện B có bán ma túy. Do đó, sáng ngày 07-9-2021, T đến khu vực cây xăng 48 gặp K và thỏa thuận mua 4.500.000 đồng ma túy đá (tên gọi khác của Methamphetamine). K đưa cho T 14 gói nilon trong suốt, được hàn kín các cạnh, bên trong có chứa ma túy đá và 01 cân tiểu ly. T bỏ 14 gói nilon chứa ma túy trên vào 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Sài Gòn rồi mang vỏ bao thuốc lá và cân tiểu ly về nhà. Khi gặp B, T nói cho B biết là T có ma túy để bán, đồng thời đưa cho B 01 gói ma túy để B sử dụng, mục đích là nhờ B kiểm tra chất lượng ma túy và trả công cho B để B tìm người mua ma túy. Số ma túy còn lại (13 gói), T để trong túi xách và cất giấu trong phòng ngủ thứ 2 (phòng ngủ ở giữa, tiếp giáp với phòng ngủ của B và T và không cho ai biết việc T cất giấu ma túy. Đối với gói ma túy T cho, B đã sử dụng hết nhưng chưa nói lại cho T biết.

Từ ngày 07-9-2021 đến ngày 22-9-2021, địa bàn huyện B thực hiện cách ly toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng chính phủ để phòng, chống dịch Covid-19. Trong thời gian này, B đăng ký tham gia trực chốt kiểm soát dịch và được phân công trực tại thôn 1, xã A, huyện B. Vào khoảng 12h00 ngày 10-9-2021, Lê Công B2 (sinh năm 1992, trú tại: thôn 7, xã D, huyện B) gọi điện cho B hỏi mua “một hộp năm” ma túy đá để sử dụng. Lúc này B đang trực chốt và chưa biết “một hộp năm” giá bao nhiêu nên gọi điện nói cho T biết và hỏi T có bán không. T đồng ý bán và nói cho B biết giá “một hộp năm” là 5.000.000 đồng. Sau đó, T đi vào vị trí cất giấu ma túy, lấy 12 gói ma túy ra khỏi vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Sài Gòn, chỉ để lại 01 gói tương

đương “một hộp năm” để B bán cho B2. Tiếp đó, T đưa vỏ bao thuốc lá này để vào phòng ngủ của B rồi nói cho B2 biết. Số ma túy còn lại (12 gói), T để vào trong 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Craven rồi tiếp tục cất giấu vào trong túi xách.

Sau khi được T thông báo giá bán và vị trí cất giấu ma túy, B gọi điện hẹn B2 đến chốt kiểm dịch Covid-19 đầu đường đôi thị trấn J (QL14) thuộc TDP5, thị trấn J để giao nhận tiền và ma túy. Sau đó, B về nhà lấy gói thuốc lá chứa ma túy rồi quay lại chốt kiểm dịch mượn chiếc xe mô tô BKS 59V1-376.99 của chị Lê Thị H (sinh năm 1971, trú tại: Thôn 1, xã A, huyện B, là người trực chốt cùng với B) để đến điểm hẹn gặp B. Trên đường đến điểm hẹn, B ghé vào một tiệm tạp hóa mua mì tôm và thuốc lá rồi bỏ vào túi nilon màu đen, mục đích để giả vờ giao lương thực và kiểm tra xem chốt kiểm dịch có lực lượng Công an không. Khi gặp B2, B đưa cho B2 túi nilon chứa mì tôm và thuốc lá nhưng chưa đưa ma túy. B2 không thấy ma túy nên hỏi B ma túy đâu? B nói B2 đợi rồi điều khiển xe mô tô quay lại quán tạp hóa mua tiếp 02 chai nước ngọt, 02 gói mì tôm rồi bỏ gói thuốc lá chứa ma túy vào trong túi nilon đựng nước ngọt và mì tôm để giao cho B. Sau đó, B quay lại gặp B2 nhưng chưa kịp đưa ma túy cho B2 thì bị Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang cùng gói ma túy có kích thước (6,0x3,3)cm (được niêm phong và ký hiệu là “MẪU VẬT”).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của B và T, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ của B 05 gói nilon chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy), thu giữ của T 12 gói nilon chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) và một số đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của B và T.

Tại bản kết luận giám định số 131/KLMT-PC09 ngày 16/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nilon trong suốt, kích thước (6,0x3,3)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “MẪU VẬT” gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu là 4,7834 gam, là Methamphetamine.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nilon trong suốt, hàn kín các cạnh, kích thước lần lượt là (7,7x3,5) cm và (8,7x3,9)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “Mẫu thu giữ trong phòng ngủ B” gửi giám định không phải là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 21,8155 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 05 (năm) gói nilon trong suốt, hàn kín các cạnh, 04 gói có cùng kích thước là (4,1x1,5)cm và 01 gói có kích thước là (2,4x2,0)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “Mẫu thu giữ trong vỏ bao thuốc lá” gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 1,6386 gam, là Methamphetamine.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 07 (bảy) gói nilon trong suốt, hàn kín các cạnh, 04 gói có cùng kích thước là (4,1x1,5 cm, 02 gói có cùng kích thước là (4,4x1,4)cm và 01 gói có kích thước là (4,4x1,3)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “Mẫu thu trong túi nilon” gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 2,7139 gam; là Methamphetamine.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nilon trong suốt (dạng gói zipper chỉ xanh), kích thước (4,0x3,0)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “Mẫu thu giữ phòng số 3 cạnh cửa” gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,2273 gam; là Ketamine.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nilon trong suốt, hàn kín các cạnh, kích thước lần lượt là (8,5x3,0)cm và (8,5x4,0)cm được niêm phong trong bì thư có ghi dòng chữ “Mẫu thu giữ phòng số 3 trong tủ” gửi giám định không phải là ma túy, có tổng khối lượng mẫu là 27,4588 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT – VKS - ĐL ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp quyết định truy tố Bùi Văn T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Văn B về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố Bùi Văn T về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Văn B về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn B phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10-9-2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10-9-2021.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 59V1-376.99, là tài sản của chị Đặng Thị Ngọc N chị cho chị Lê Thị H mượn

làm phương tiện đi lại. Vào ngày 10/9/2021, chị H cho bị can B mượn nhưng không biết B sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe này cho chị Nữ đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và số tiền 5.000.000 đồng, là tài sản của Lê Công B2. Do hành vi của B2 chưa cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho B.

Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone (của Bùi Văn B và Bùi Văn T), là vật dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với ma túy hoàn lại sau giám định gồm: 7,8611 gam Methamphetamine; 0,1701 gam Ketamine; là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các đồ vật gồm: 02 vỏ bao thuốc lá; 01 hộp giấy màu trắng; 01 ống nhựa màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế; 21 que gạt; 01 kéo bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 46,9438 gam tinh thể màu trắng (B khai là đường phèn), là vật dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi mua ma túy của Lê Công B2 vào 25/6/2021 nhằm mục đích để sử dụng. Tại thời điểm bị bắt quả tang B2 chưa nhận được chất ma túy, vì vậy hành vi của B không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với Lê Công B2, có hành vi mua ma túy để sử dụng. Tuy nhiên, B2 chưa nhận được ma túy nên hành vi của B2 không cấu thành tội phạm. Kết quả xét nghiệm ma túy, B2 có kết quả âm tính nên không đề cập xử lý đối với B2.

Đối với hành vi tàng trữ 0,2273 gam Ketamine để sử dụng của Bùi Văn B, do khối lượng ma túy chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với B theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với người đàn ông tên Đ và người đàn ông tên K, có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị can B và bị can T, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo lời khai của bị can nhưng không có thông tin về nhân thân, lai lịch của người này. Do đó, cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trong vụ án này, khi nào làm rõ được sẽ đề nghị xử lý sau.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đắk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã công bố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do muốn có ma túy để bán lại cho người khác kiếm lời, sáng ngày 07-9-2021, Bùi Văn T đến khu vực cây xăng 48 thuộc xã G, huyện B tìm gặp người đàn ông tên K (không xác định được nhân thân, lai lịch) để mua ma túy. Tại đây, T mua được 14 gói ma túy, là Methamphetamine với số tiền 4.500.000 đồng. T đưa ma túy về nhà cất giấu và nói cho B biết là T có ma túy để bán, đồng thời đưa cho B 01 gói ma túy để nhờ B kiểm tra chất lượng ma túy và cũng để trả công cho B để B tìm người mua ma túy.

Vào trưa ngày 10-9-2021, Lê Công B gọi điện thoại cho B hỏi mua “một hộp năm” ma túy đá để sử dụng. Lúc này B chưa biết “một hộp năm” giá bao nhiêu nên gọi điện nói cho T biết và hỏi T có bán không. T đồng ý bán và nói cho B biết giá “một hộp năm” là 5.000.000 đồng, đồng thời nói cho B biết vị trí cất giấu ma túy. Nghe vậy, B gọi điện hẹn B đến chốt kiểm dịch Covid-19 thuộc TDP5, thị trấn J, huyện B để giao nhận tiền và ma túy. Khi B đang chuẩn bị giao 01 gói ma túy, là Methamphetamine có khối lượng 4,7834 gam cho B thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang. Vì vậy, Bùi Văn B có hành vi bán trái phép 4,7834 gam ma túy, là Methamphetamine.

Đối với Bùi Văn T, ngoài hành vi bán trái phép 4,7834 gam ma túy cho B như trên, T còn cất giấu 4,3525 gam ma túy, là Methamphetamine trong nhà để bán lại cho người khác. Tổng khối lượng ma túy, là Methamphetamine mà T sử dụng để bán cho người khác là 9,1359 gam.

Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn B phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

... ”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đem lại những hậu quả rất nghiêm trọng, bị pháp luật nghiêm cấm và xã hội lên án. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Bùi Văn B thực hiện hành vi phạm tội thuộc khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự nên không có tình tiết định khung hình phạt. Bị cáo Bùi Văn T thực hiện hành vi bán trái phép 9,1359 gam ma túy, là Methamphetamine thuộc tình tiết định khung tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; hoàn cảnh gia đình các bị cáo có nhiều khó khăn, cha mẹ đã ly hôn. Do đó, các bị cáo T, B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Việc xử lý vật chứng vụ án:

- Đối chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 59V1-376.99, là tài sản của chị Đặng Thị Ngọc N, chị cho chị Lê Thị H mượn làm phương tiện đi lại, ngày 10/9/2021, chị H cho bị cáo B mượn nhưng không biết B sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe này cho chị N là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và số tiền 5.000.000 đồng, là tài sản của Lê Công B. Do hành vi của B chưa cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho B là phù hợp.

Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone (của Bùi Văn B và Bùi Văn T), là vật dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà

nước theo Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

Đối với ma túy hoàn lại sau giám định gồm: 7,8611 gam Methamphetamine; 0,1701 gam Ketamine; là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với các đồ vật gồm: 02 vỏ bao thuốc lá; 01 hộp giấy màu trắng; 01 ống nhựa màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế; 21 quẹt gas; 01 kéo bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 46,9438 gam tinh thể màu trắng (là đường phèn), là vật dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh là có căn cứ cần chấp nhận, về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn B là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Bùi Văn B.

Đối với hành vi mua ma túy của Lê Công B2 vào 25-6-2021 nhằm mục đích để sử dụng. Tại thời điểm bị bắt quả tang B2 chưa nhận được chất ma túy, vì vậy hành vi của B2 không cấu thành tội phạm.

Đối với Lê Công B2, có hành vi mua ma túy để sử dụng. Tuy nhiên, B2 chưa nhận được ma túy nên hành vi của B không cấu thành tội phạm. Kết quả xét nghiệm ma túy, B2 có kết quả âm tính nên không đề cập xử lý đối với B2 là phù hợp.

Đối với hành vi tàng trữ 0,2273 gam Ketamine để sử dụng của Bùi Văn B, do khối lượng ma túy chưa đến mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với B theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên Đ và người đàn ông tên K, có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo B và bị cáo T, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo lời khai của bị cáo nhưng không có thông tin về nhân thân, lai lịch của người này. Do đó, cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trong vụ án này, khi nào làm rõ được sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bùi Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10-9-2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn B phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bùi Văn B 02 (hai) năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10-9-2021.

2. Việc xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng số 47 ngày 15 tháng 10 năm 2021: Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 59V1-376.99 cho chị Đặng Thị Ngọc N là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 37 ngày 18 tháng 9 năm 2021: Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart và số tiền 5.000.000 đồng cho Lê Công B2 là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone (của Bùi Văn B và Bùi Văn T), là vật dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy đối với ma túy hoàn lại sau giám định gồm: 7,8611 gam Methamphetamine; 0,1701 gam Ketamine là vật cấm lưu hành.

Tịch thu tiêu hủy đối với các đồ vật gồm: 02 vỏ bao thuốc lá; 01 hộp giấy màu trắng; 01 ống nhựa màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế; 21 quẹt gas; 01 kéo bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 46,9438 gam tinh thể màu trắng (đường phèn), là vật dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án huyện B).

3. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh